



Flashcardo.com

We hopen dat deze printbare flashcards nuttig voor je zullen zijn. Voor nog meer flashcard-producten kun je terecht op onze website www.flashcardo.com/nl. Op Flashcardo.com bieden we online flashcards, flashcards met gespreide herhaling, video-flashcards en nog veel meer. Alles gratis en klaar voor gebruik door leerlingen over de hele wereld.

Copyright, Licentie-opmerkingen

Deze PDF is beschermd onder het auteursrecht en alle rechten zijn voorbehouden. Je mag deze PDF vrij delen met anderen. Het is echter niet toegestaan deze PDF of de inhoud ervan te verkopen. Als je vragen hebt, ga dan naar www.flashcardo.com/nl om contact met ons op te nemen. Dank je wel!

Uitsluiting van aansprakelijkheid

DEZE PDF WORDT GELEVERD "ZOALS HET IS", ZONDER ENIGE GARANTIE, EXPLICIET OF IMPLICIET, INCLUSIEF MAAR NIET BEPERKT TOT GARANTIES VAN VERKOOPBAARHEID, GESCHIKTHEID VOOR EEN BEPAALD DOEL EN NIET-INBREUK. IN GEEN GEVAL ZIJN DE AUTEURS OF HOUDERS VAN HET AUTEURSRECHT AANSPRAKELIJK VOOR ENIGE VORDERING, SCHADE OF ANDERE AANSPRAKELIJKHEID, HETZIJ IN EEN ACTIE VAN CONTRACT, ONRECHTMATIGE DAAD OF ANDERSZINS, VOORTVLOEIEND UIT OF IN VERBAND MET DEZE PDF OF HET GEBRUIK OF ANDERE HANDELINGEN IN DEZE PDF.

Copyright © 2025 Flashcardo.com. Alle rechten voorbehouden

ik

tôi

je/jij

bạn

hij

anh ấy

zij
enkelvoud

cô ấy

het

nó

we/wij

chúng tôi / chúng ta

jullie

các bạn

zij
meervoud

họ

wat

cái gì

wie

ai

waar

ở đâu

waarom

tại sao

hoe

welke

wanneer

làm sao

cái nào

lúc nào

dan

als

echt

sau đó

nếu

thật sự

maar

omdat

niet

nhưng

bởi vì

không

deze

Ik heb dit nodig

Hoeveel kost dit?

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

dat

alle

of

đó

tất cả

hoặc

en

weten

Ik weet het

và

biết

Tôi biết

Ik weet het niet

denken

komen

Tôi không biết

nghĩ

đến

zetten

nemen

vinden

đặt

lấy

tìm

luisteren

nghe

werken

làm việc

praten

nói chuyện

geven
algemeen

cho

leuk vinden

thích

helpen

giúp đỡ

houden van

yêu

bellen

gọi

wachten

chờ đợi

Ik vind je leuk

Tôi thích bạn

Ik vind dit niet leuk

Tôi không thích cái này

Hou je van mij?

Bạn có yêu tôi không?

Ik hou van jou

Tôi yêu bạn

0

không

1

một

2

hai

3

ba

4

bốn

5

năm

6

sáu

7

bảy

8

tám

9

chín

10

mười

11

mười một

12

mười hai

13

mười ba

14

mười bốn

15

mười năm

16

mười sáu

17

mười bảy

18

mười tám

19

mười chín

20

hai mươi

nieuw

mới

oud
ding

cũ

weinig

veel

hoeveel?
volume

ít

nhiều

bao nhiêu?

hoeveel?
nummer

fout

correct

bao nhiêu?

sai

chính xác

slecht
algemeen

goed

gelukkig

xấu

tốt

hạnh phúc

kort
algemeen

lang
algemeen

klein
algemeen

ngắn

dài

nhỏ

groot

lớn

daar

đó

hier

đây

rechts

phải

links

trái

mooi

xinh đẹp

jong

trẻ

oud
persoon

già

hallo

xin chào

tot later

hẹn gặp lại

oké

được

wees voorzichtig

bảo trọng nhé

maak je geen zorgen

đừng lo

natuurlijk

tất nhiên

goedendag

chúc ngày tốt lành

Hoi

chào

doei

bái bai

tot ziens

tạm biệt

excuseer mij

xin làm phiền

sorry

xin lỗi

dankjewel

cảm ơn bạn

alsjeblieft

làm ơn

ik wil dit

Tôi muốn cái này

nu

bây giờ

namiddag

buổi chiều

ochtend
9:00-11:00

buổi sáng

nacht

ban đêm

ochtend
6:00-9:00

buổi sáng

avond

buổi tối

middag

buổi trưa

middernacht

nửa đêm

uur

giờ

minuut

phút

seconde

giây

dag

ngày

week

tuần

maand

jaar

tijd

tháng

năm

thời gian

datum

eergisteren

gisteren

ngày tháng

ngày hôm kia

hôm qua

vandaag

morgen

overmorgen

hôm nay

ngày mai

ngày kia

maandag

dinsdag

woensdag

thứ hai

thứ ba

thứ tư

donderdag

thứ năm

vrijdag

thứ sáu

zaterdag

thứ bảy

zondag

chủ nhật

Morgen is het zaterdag

Ngày mai là thứ bảy

leven
algemeen

cuộc đời

vrouw
algemeen

đàn bà

man
algemeen

đàn ông

liefde

tình yêu

vriendje

bạn trai

vriendin

bạn gái

vriend

bạn

kus

hôn

seks

tình dục

kind

trẻ em

baby

em bé

meisje

con gái

jongen

con trai

ma

mẹ

pa

ba

moeder

má

vader

cha

ouders

cha mẹ

zoon

con trai

dochter

con gái

zusje

em gái

broertje

em trai

grote zus

chị gái

grote broer

anh trai

staan

đứng

zitten

ngồi

liggen

nằm xuống

sluiten

đóng

openen
deur

mở

verliezen

thua

winnen

thắng

sterven

chết

leven
werkwoord

sống

inschakelen

bật

uitschakelen

tắt

vermoorden

giết

verwonden

làm bị thương

aanraken

chạm

kijken

xem

drinken

uống

eten

ăn

lopen

đi bộ

ontmoeten

gặp

wedden

đặt cược

kussen
werkwoord

hôn

volgen

đi theo

trouwen

cưới

antwoorden

trả lời

vragen

hỏi

vraag

câu hỏi

bedrijf
firma

công ty

bedrijf
algemeen

kinh doanh

baan

việc làm

geld

tiền

telefoon

điện thoại

kantoor

văn phòng

dokter

bác sĩ

ziekenhuis

bệnh viện

verpleegster

y tá

politieagent

cảnh sát

president

tổng thống

wit

màu trắng

zwart

màu đen

rood

màu đỏ

blauw

màu xanh da trời

groen

màu xanh lá cây

geel

màu vàng

langzaam

snel

grappig

chậm

nhanh

vui vẻ

oneerlijk

eerlijk

moeilijk

không công bằng

công bằng

khó

gemakkelijk

Dit is moeilijk

rijk

dễ

Cái này khó

giàu

arm
adjectief

sterk

zwak

nghèo

khỏe

yếu

veilig

an toàn

moe

mệt mỏi

trots

tự hào

vol
voedsel

no bụng

ziek

bệnh

gezond

khỏe mạnh

boos

tức giận

laag

thấp

hoog

cao

recht

thẳng

elk

mỗi / mọi

altijd

luôn luôn

eigenlijk

thực ra

weer
bijwoord

lần nữa

al

đã

minder

ít hơn

meest

phần lớn

meer
voornaamwoord

nhiều hơn

Ik wil meer

Tôi muốn nhiều hơn

geen

không có

heel

rất

dier

động vật

varken

con lợn

koe

con bò

paard

con ngựa

hond

con chó

schaap

con cừu

aap

con khỉ

kat

con mèo

beer

con gấu

kip

con gà

eend

con vịt

vlinder

con bướm

bij

con ong

vis
dier

con cá

spin

con nhện

slang

con rắn

buiten

ở ngoài

binnen

ở trong

ver

xa

dichtbij

gần

beneden

bên dưới

boven

bên trên

naast

bên cạnh

voor

phía trước

achter

phía sau

zoet

ngọt

zuur

chua

raar

lạ

zacht

mềm

hard

cứng

schattig

đáng yêu

dom

ngu ngốc

gek

điên khùng

druk

bận rộn

lang
lichaam

cao

klein
lichaam

thấp

bezorgd

lo lắng

verrast

ngạc nhiên

cool

ngầu

beleefd

cư xử tốt

boosaardig

ác độc

slim

khéo léo

koud

lạnh

heet

nóng

hoofd

đầu

neus

mũi

haar

tóc

mond

miệng

oor

tai

oog

mắt

hand

bàn tay

voet

bàn chân

hart

tim

hersenen

não

trekken

deur

kéo

duwen

deur

đẩy

drukken

ấn

slaan

đánh

vangen

bắt

vechten

chiến đấu

gooien

ném

rennen

chạy

lezen

đọc

schrijven

viết

repareren

sửa chữa

tellen

đếm

knippen

cắt

verkopen

bán

kopen

mua

betalen

trả

studeren

học

dromen

mơ

slapen

ngủ

spelen

chơi

vieren

ăn mừng

uitrusten

ngủ ngơi

genieten

thưởng thức

schoonmaken

dọn dẹp

school

trường học

huis

nhà ở

deur

cửa

man
getrouwd

chồng

vrouw
getrouwd

vợ

bruiloft

đám cưới

persoon

người

auto

xe hơi

thuis

nhà

stad

thành phố

nummer

số

21

hai mươi một

22

hai mươi hai

26

hai mươi sáu

30

ba mươi

31

ba mươi một

33

ba mươi ba

37

ba mươi bảy

40

bốn mươi

41

bốn mươi một

44

bốn mươi bốn

48

bốn mươi tám

50

năm mươi

51

năm mươi mốt

55

năm mươi lăm

59

năm mươi chín

60

sáu mươi

61

sáu mươi mốt

62

sáu mươi hai

66

sáu mươi sáu

70

bảy mươi

71

bảy mươi mốt

73

bảy mươi ba

77

bảy mươi bảy

80

tám mươi

81

tám mươi mốt

84

tám mươi bốn

88

tám mươi tám

90

chín mươi

91

chín mươi mốt

95

chín mươi lăm

99

chín mươi chín

100

một trăm

1000

một nghìn

10.000

mười nghìn

100.000

một trăm nghìn

1.000.000

một triệu

mijn hond

con chó của tôi

jouw kat

con mèo của bạn

haar jurk

váy của cô ấy

zijn auto

xe của anh ấy

zijn bal

quả bóng của nó

ons huis

nhà của chúng tôi

jouw team

đội của bạn

hun bedrijf

công ty của họ

iedereen

mọi người

samen

cùng nhau

overig

maakt niet uit

proost

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

ontspan

Ik ben het ermee eens

welkom

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

geen zorgen

sla rechtsaf

sla linksaf

không phải lo

rẽ phải

rẽ trái

ga rechtdoor

Kom met mij mee

ei

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trứng

kaas

phô mai

melk

sữa

vis
voedsel

cá

vlees

thịt

groente

rau

fruit

trái cây

bot
voedsel

xương

olie

dầu

brood

bánh mì

suiker

đường

chocola

sô cô la

snoep

kẹo

cake

bánh bông lan

drank

đồ uống

water

nước

frisdrank

nước soda

koffie

cà phê

thee

trà

bier

bia

wijn

rượu nho

salade

sa lát

soep

súp

nagerecht

món tráng miệng

ontbijt

bữa ăn sáng

lunch

bữa trưa

avondeten

bữa tối

pizza

pizza

bus

xe buýt

trein

xe lửa

treinstation

ga xe lửa

bushalte

trạm dừng xe buýt

vliegtuig

máy bay

schip

tàu

vrachtwagen

xe tải

fiets

xe đạp

motorfiets

xe mô tô

taxi

xe taxi

stoplicht

đèn giao thông

parkeerplaats

bãi đậu xe

weg

đường

kleding

quần áo

schoen

giày dép

jas

áo choàng

trui

áo len

overhemd

áo sơ mi

jack

áo khoác

pak

áo phực

broek

quần dài

jurk

đầm

t-shirt

áo phông

sok

bít tất

beha

áo ngực

onderbroek

quần lót

bril

kính

handtas

túi xách

damestas

ví tiền

portemonnee

ví

ring

nhẫn

hoed

mũ

horloge

đồng hồ đeo tay

zak

Hoe heet je?

Mijn naam is David

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Ik ben tweeëntwintig jaar
oud

Hoe gaat het?

Gaat alles goed?

Tôi 22 tuổi

Bạn có khỏe không?

Bạn có ổn không?

Waar is het toilet?

Ik mis je

lente

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

zomer

herfst

winter

mùa hè

mùa thu

mùa đông

januari

tháng một

februari

tháng hai

maart

tháng ba

april

tháng tư

mei

tháng năm

juni

tháng sáu

juli

tháng bảy

augustus

tháng tám

september

tháng chín

oktober

tháng mười

november

tháng mười một

december

tháng mười hai

winkelen

mua sắm

rekening

hóa đơn

markt

chợ

supermarkt

siêu thị

gebouw

tòa nhà

appartement

căn hộ

universiteit

trường đại học

boerderij

nông trại

kerk

nhà thờ

restaurant

nhà hàng

bar

quán bar

sportschool

phòng thể dục

park

công viên

toilet
algemeen

nhà vệ sinh

kaart

bản đồ

ambulance

xe cứu thương

politie

cảnh sát

pistool

súng

brandweerlieden

lính cứu hỏa

land

quốc gia

buitenwijk

ngoại ô

dorp

ngôi làng

gezondheid

sức khỏe

geneesmiddel

dược phẩm

ongeval

tai nạn

patiënt

bệnh nhân

operatie

phẫu thuật

pil

viên thuốc

koorts

sốt

verkoudheid

cảm lạnh

wond

vết thương

afspraak

cuộc hẹn

hoest

ho

nek
algemeen

cổ

kont

mông

schouder

vai

knie

đầu gối

been

chân

arm
lichaam

tay

buik

bụng

boezem

ngực

rug

lưng

tand

răng

tong

lưỡi

lip

môi

vinger

ngón tay

teen

ngón chân

maag

dạ dày

long

phổi

lever

gan

zenuw

dây thần kinh

nier

thận

darm

ruột

kleur

màu sắc

oranje

màu cam

grijs

màu xám

bruin

màu nâu

roze

màu hồng

saai

nhàm chán

zwaar

nặng

licht
gewicht

nhẹ

eenzaam

cô đơn

hongerig

đói bụng

dorstig

khát nước

verdrietig

buồn

steil

đốc

vlak

bằng phẳng

rond

tròn

vierkant
bijvoeglijk naamwoord

vuông

smal

hẹp

breed

rộng

diep

sâu

ondiep

nông

reusachtig

lớn

noord

bắc

oost

đông

zuid

nam

west

tây

vuil

bẩn

schoon

sạch sẽ

vol
algemeen

đầy

leeg

trống rỗng

duur

đắt

goedkoop

rẻ

donker

tối

licht
kleur

sáng

sexy

quẩy rũ

lui

lười biếng

moedig

dũng cảm

gul

hào phóng

knap
goed uitziend

đẹp trai

lelijk

xấu xí

mal

ngớ ngẩn

vriendelijk

thân thiện

schuldig

tội lỗi

blind

mù

dronken

say

nat

ướt

droog

khô

warm

ấm áp

luid

ồn ào

rustig

yên tĩnh

stil

im lặng

keuken

nhà bếp

badkamer

phòng tắm

woonkamer

phòng khách

slaapkamer

phòng ngủ

tuin

vườn

garage

gara

muur

tường

kelder

tầng hầm

toilet

gebouw

nhà vệ sinh

trap

cầu thang

dak

mái nhà

raam

gebouw

cửa sổ

mes

dao

kop

drinken

tách

glas

ly

bord

đĩa

beker

drinken

cốc

afvalbak

thùng rác

kom

tô

tv

bộ tivi

bureau

bàn

bed

giường

spiegel

gương

douche

vòi hoa sen

bank

ghế sofa

foto

ảnh

klok

đồng hồ

tafel

bàn

stoel

ghế

zwembad
tuin

hồ bơi

deurbel

chuông

buur

hàng xóm

falen

thất bại

kiezen

chọn

schieten

bắn

stemmen

bình chọn

vallen

rơi xuống

verdedigen

bảo vệ

aanvallen

tấn công

stelen

trộm

verbranden

đốt

redden

cứu

roken

hút thuốc

vliegen

bay

dragen

mang theo

spugen

khạc nhổ

schoppen

đá

bijten

cắn

ademen

thở

ruik

ngửi

huilen

khóc

zingen

hát

glimlachen

cười mỉm

lachen

cười

groeien

lớn lên

krimpen

co lại

ruzie maken

tranh luận

bedreigen

đe dọa

delen
werkwoord

chia sẻ

voeden

cho ăn

verstoppen

trốn

waarschuwen

cảnh báo

zwemmen
werkwoord

bơi

springen

nhảy

rollen

lăn

optillen

nâng

graven

đào

kopiëren
algemeen

sao chép

bezorgen

giao hàng

zoeken

tìm kiếm

oefenen

luyện tập

reizen

đi du lịch

verven

vẽ

douchen

tắm vòi sen

openen
slot

mở

op slot doen

khóa

wassen

rửa

bidden

cầu nguyện

koken
algemeen

nấu ăn

boek

sách

bibliotheek

thư viện

huiswerk

bài tập về nhà

examen

bài thi

les

bài học

wetenschap

khoa học

geschiedenis

lịch sử

kunst

nghệ thuật

Engels

tiếng Anh

Frans

tiếng Pháp

pen

cây bút

potlood

bút chì

3%

ba phần trăm

eerste

thứ nhất

tweede

thứ hai

derde

thứ ba

vierde

thứ tư

resultaat

kết quả

vierkant
substantief

hình vuông

cirkel

hình tròn

oppervlakte

diện tích

onderzoek

nguyên cứu

graad

bằng cấp

bachelor

cử nhân

master

thạc sĩ

$x < y$

x nhỏ hơn y

$x > y$

x lớn hơn y

stress

áp lực

verzekering

bảo hiểm

personeel

nhân viên

afdeling

bộ phận

salaris

lương

adres

địa chỉ

brief

lá thư

kapitein

thuyền trưởng

detective

thám tử

piloot

phi công

professor

giáo sư

leraar

giáo viên

advocaat

luật sư

secretaris

thư ký

assistent

trợ lý

rechter

thẩm phán

directeur

giám đốc

manager

quản lý

kok

đầu bếp

taxichauffeur

tài xế taxi

buschauffeur

tài xế xe buýt

crimineel

tội phạm

model

người mẫu

artiest

nghệ sĩ

telefoonnummer

số điện thoại

signaal

tín hiệu

app

ứng dụng

chat

trò chuyện

bestand

tập tin

URL

url

e-mailadres

địa chỉ email

website

trang mạng

e-mail

thư điện tử

mobiele telefoon

điện thoại di động

wet

pháp luật

gevangenis

nhà tù

bewijsmateriaal

chứng cứ

boete

tiền phạt

getuige

nhân chứng

rechtbank

tòa án

handtekening

chữ ký

verlies

thua lỗ

winst

lợi nhuận

klant

khách hàng

bedrag

số tiền

kredietkaart

thẻ tín dụng

wachtwoord

mật khẩu

geldautomaat

máy rút tiền

zwembad
competitie

bể bơi

elektriciteit

điện

camera

máy ảnh

radio

đài radio

cadeau

quà tặng

fles

cái chai

tas

cái túi

sleutel

chìa khóa

pop
kind

búp bê

engel

thiên thần

kam

lược

tandpasta

kem đánh răng

tandenborstel

bàn chải đánh răng

shampoo

dầu gội

crème

kem thoa

zakdoek

khăn giấy

lippenstift

son môi

TV

truyền hình

bioscoop

rạp chiếu phim

nieuws

tin tức

zitplaats

ghế

kaartje

vé

scherm
bioscoop

màn chiếu

muziek

âm nhạc

podium

sân khấu

publiek

khán giả

schilderij

hội họa

grap

trò đùa

artikel

bài báo

krant

báo chí

tijdschrift

tạp chí

advertentie

quảng cáo

natuur

thiên nhiên

as

tro

vuur

lửa

diamant

kim cương

maan

mặt trăng

aarde

Trái Đất

zon

mặt trời

ster

ngôi sao

planeet

hành tinh

universum

vũ trụ

kust

bờ biển

meer
water

bos

woestijn

hồ

rừng

sa mạc

heuvel

rots

rivier

đôi núi

đá

con sông

vallei

berg

eiland

thung lũng

núi

đảo

ocean

zee

weer
meteorologie

đại dương

biển

thời tiết

ijs

băng

sneeuw

tuyết

storm

bão táp

regen

mưa

wind

gió

plant

thực vật

boom

cây

gras

cỏ

roos

hoa hồng

bloem

hoa

gas

chất khí

metaal

kim loại

goud

zilver

Zilver is goedkoper dan goud

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Goud is duurder dan zilver

vakantie

lìd

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên

hotel

strand

gast

khách sạn

bờ biển

khách

verjaardag

Kerstmis

Nieuwjaar

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Pasen

Lễ Phục sinh

oom

chú

tante

cô

grootmoeder
vader

bà nội

grootvader
vader

ông nội

grootmoeder
moeder

bà ngoại

grootvader
moeder

ông ngoại

dood

tử vong

graf

phần mộ

scheiding

ly hôn

bruid

cô dâu

bruidegom

chú rể

101

một trăm linh một

105

một trăm linh năm

110

một trăm mười

151

một trăm năm mươi một

200

hai trăm

202

hai trăm linh hai

206

hai trăm linh sáu

220

hai trăm hai mươi

262

hai trăm sáu mươi hai

300

ba trăm

303

ba trăm linh ba

307

ba trăm linh bảy

330

ba trăm ba mươi

373

ba trăm bảy mươi ba

400

bốn trăm

404

bốn trăm linh bốn

408

bốn trăm linh tám

440

bốn trăm bốn mươi

484

bốn trăm tám mươi bốn

500

năm trăm

505

năm trăm linh năm

509

năm trăm linh chín

550

năm trăm năm mươi

595

năm trăm chín mươi lăm

600

sáu trăm

601

sáu trăm linh một

606

sáu trăm linh sáu

616

sáu trăm mười sáu

660

sáu trăm sáu mươi

700

bảy trăm

702

bảy trăm linh hai

707

bảy trăm linh bảy

727

bảy trăm hai mươi bảy

770

bảy trăm bảy mươi

800

tám trăm

803

tám trăm linh ba

808

tám trăm linh tám

838

tám trăm ba mươi tám

880

tám trăm tám mươi

900

chín trăm

904

chín trăm linh bốn

909

chín trăm linh chín

949

chín trăm bốn mươi chín

990

chín trăm chín mươi

tijger

con hổ

muis
dier

con chuột

rat

con chuột cống

konijn

con thỏ

leeuw

con sư tử

ezel

con lừa

olifant

con voi

vogel

con chim

haan

con gà trống choai

duif

con chim bồ câu

gans

con ngỗng

insect

côn trùng

kever

con bọ

mug

con muỗi

vlieg

con ruồi

mier

con kiến

walvis

con cá voi

haai

con cá mập

dolfijn

con cá heo

slak

con ốc sên

kikker

con ếch

vaak

thường xuyên

onmiddellijk

ngay lập tức

plotseling

đột ngột

hoewel

mặc dù

gymnastiek

thể dục dụng cụ

tennis

quần vợt

hardlopen

chạy

wielrennen

đạp xe

golf

đánh golf

schaatsen

trượt băng

voetbal

bóng đá

basketbal

bóng rổ

zwemmen
sport

bơi lội

duiken

lặn

hiken

đi bộ đường dài

Verenigd Koninkrijk

Vương quốc Anh

Spanje

Tây Ban Nha

Zwitserland

Thụy sĩ

Italië

Ý

Frankrijk

Duitsland

Thailand

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Rusland

Japan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israël

India

China

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Verenigde Staten van
Amerika

Mexico

Canada

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chili

Chile

Brazilië

Brazil

Argentinië

Argentina

Zuid-Afrika

Nam Phi

Nigeria

Nigeria

Marokko

Ma Rốc

Libië

Libya

Kenia

Kenya

Algerije

Algeria

Egypte

Ai Cập

Nieuw-Zeeland

New Zealand

Australië

Úc

Afrika

Châu Phi

Europa

Châu Âu

Azië

Châu Á

Amerika

Châu Mỹ

een kwartier

mười lăm phút

een half uur

nửa tiếng

drie kwartier

bốn mươi lăm phút

1:00

một giờ

2:05

hai giờ năm phút

3:10

ba giờ mười phút

4:15

bốn giờ mười lăm

5:20

năm giờ hai mươi

6:25

sáu giờ hai mươi năm

7:30

bảy giờ rưỡi

8:35

tám giờ ba mươi lăm

9:40

mười giờ kém hai mươi

10:45

mười một giờ kém mười năm

11:50

mười hai giờ kém mười

12:55

một giờ kém năm

één uur 's ochtends

một giờ sáng

twee uur 's middags

hai giờ chiều

vorige week

tuần trước

deze week

tuần này

volgende week

tuần sau

vorig jaar

dit jaar

volgend jaar

năm ngoái

năm nay

năm sau

vorige maand

deze maand

volgende maand

tháng trước

tháng này

tháng sau

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

ngày một tháng một năm hai
nghìn mười bốn

ngày hai mươi lăm tháng hai
năm hai nghìn linh ba

ngày mười hai tháng tư năm
một nghìn chín trăm tám
mười tám

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

ngày mười ba tháng mười
năm một nghìn tám trăm
chín mươi chín

ngày ba mươi tháng chín
năm một nghìn chín trăm
linh bảy

ngày mười hai tháng mười
hai năm hai nghìn

voorhoofd

rimpel

kin

trán

nếp nhăn

cằm

wang

baard

wimpers

má

râu

lông mi

wenkbrauw

taille

nek
rug

lông mày

eo

gáy

borst

duim

pink

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

ringvinger

ngón tay đeo nhẫn

middelvinger

ngón tay giữa

wijsvinger

ngón tay trỏ

pols

cổ tay

vingernagel

móng tay

hiel

gót chân

wervelkolom

xương sống

spier

cơ bắp

bot
lichaam

xương

skelet

bộ xương

rib

xương sườn

wervel

đốt sống

blaas

bàng quang

ader

tĩnh mạch

slagader

động mạch

vagina

âm đạo

sperma

tinh trùng

penis

dương vật

zaadbal

tinh hoàn

sappig

mọng nước

pittig

cay

zout
adjectief

mặn

rauw

sống

gekookt

luộc

verlegen

nhút nhát

gulzig

tham lam

streng

ng nghiêm khắc

doof

điếc